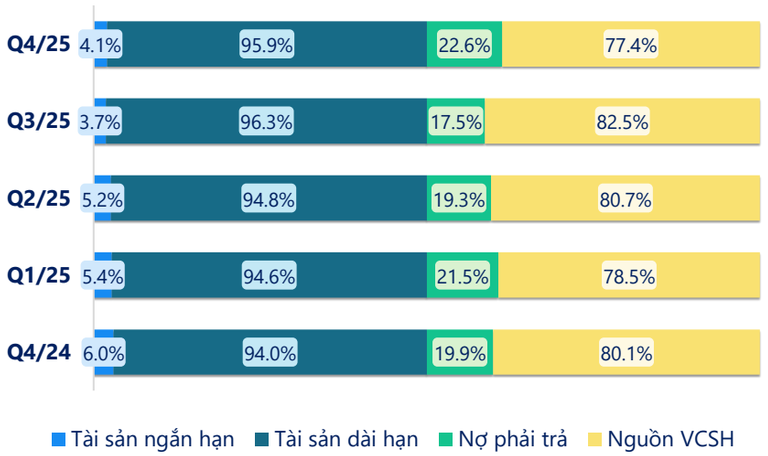
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	58,399,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	934
P/E	50.4
EPS	318

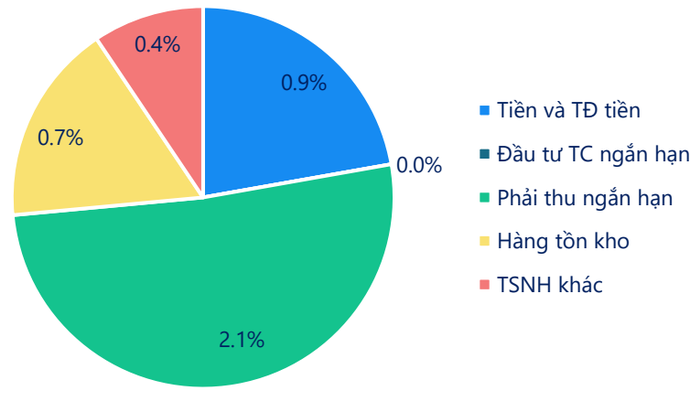
	YTD	1T	3T	6T
DSD	21.5%	-3.6%	37.9%	41.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

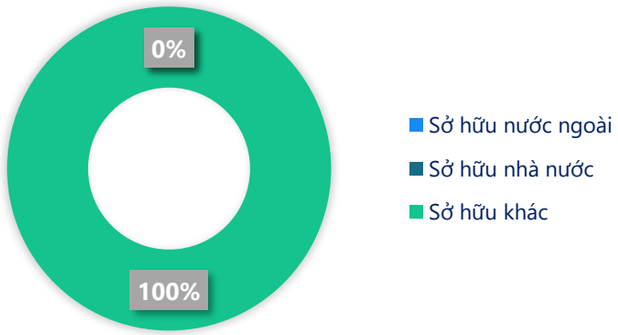
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

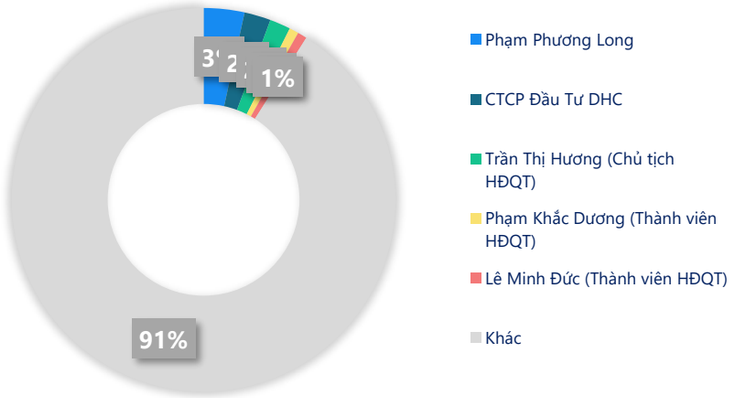
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



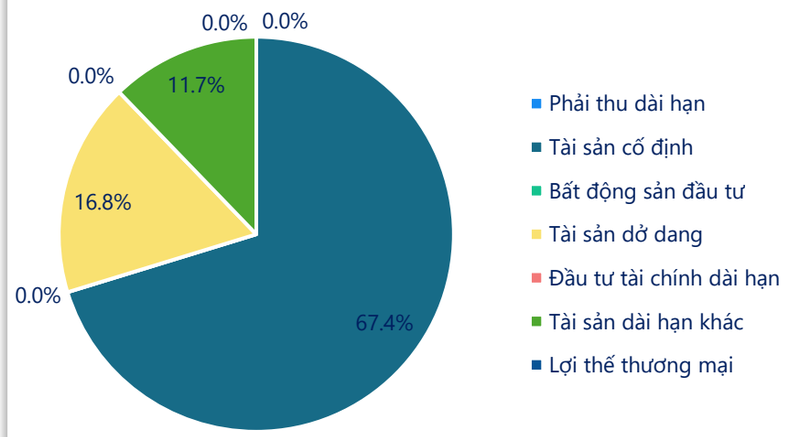
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



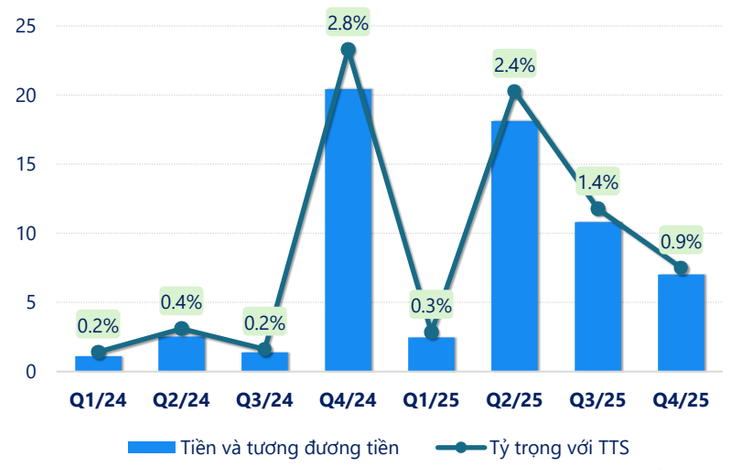
Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

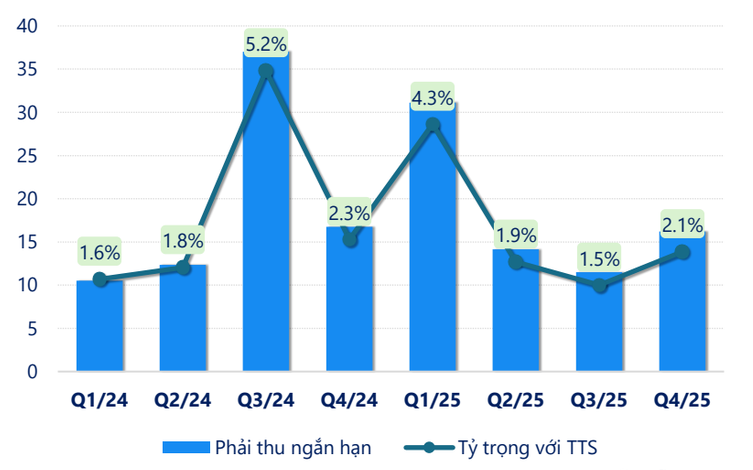
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Tiền và tương đương tiền



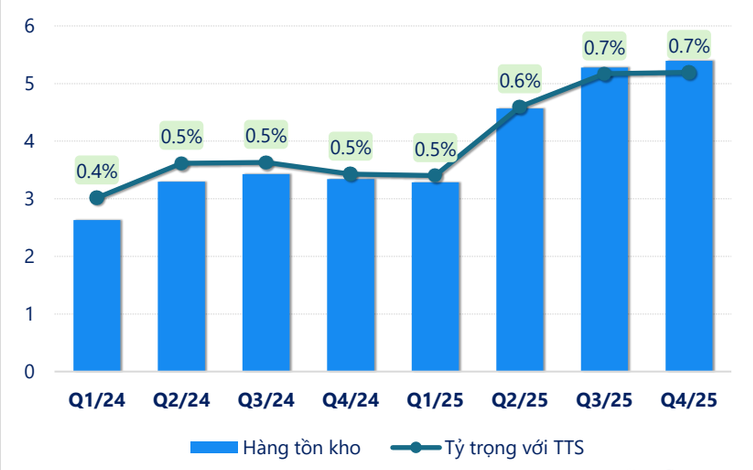
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



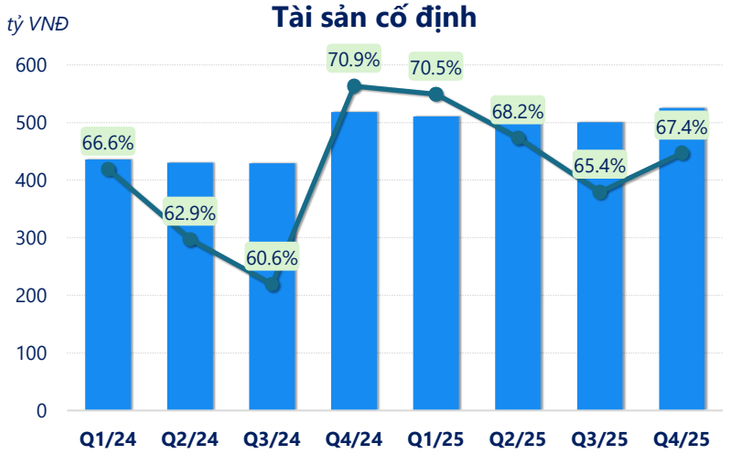
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



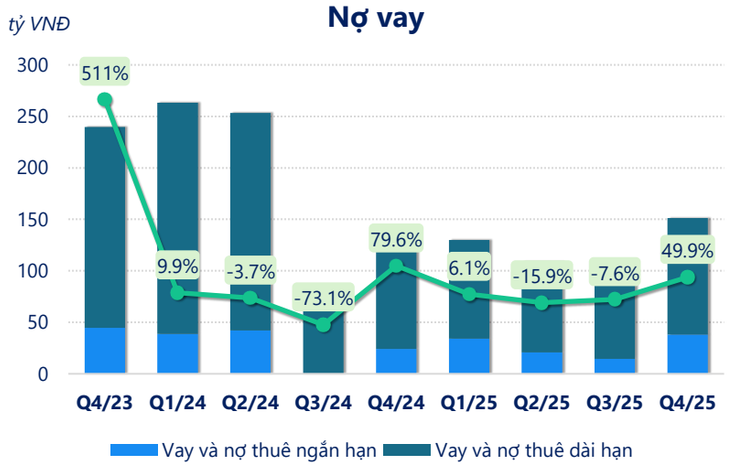
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



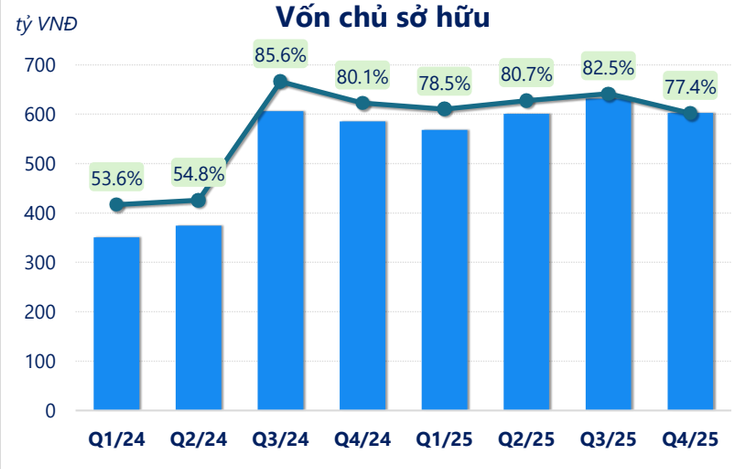
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

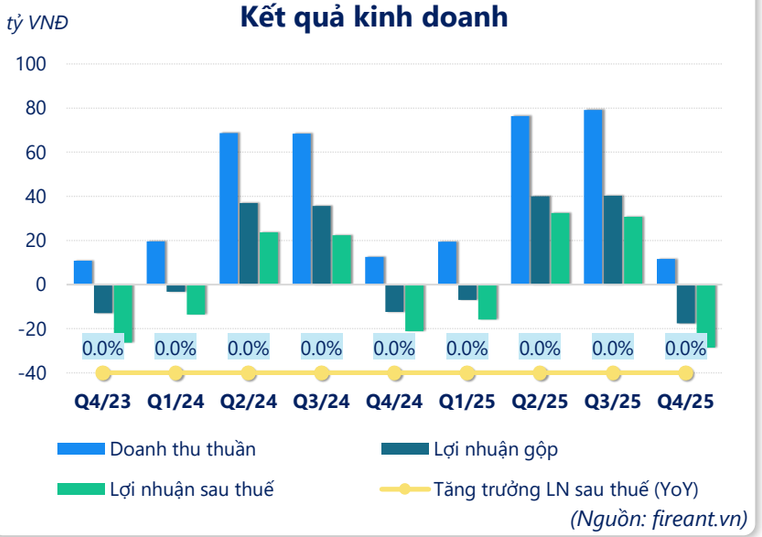
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

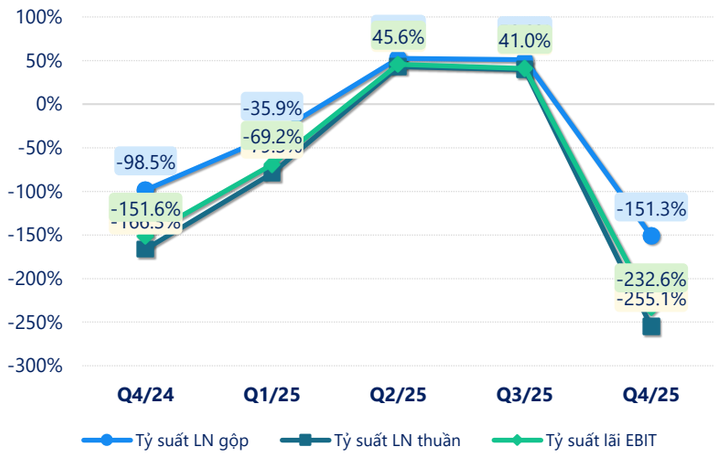
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Kết quả kinh doanh



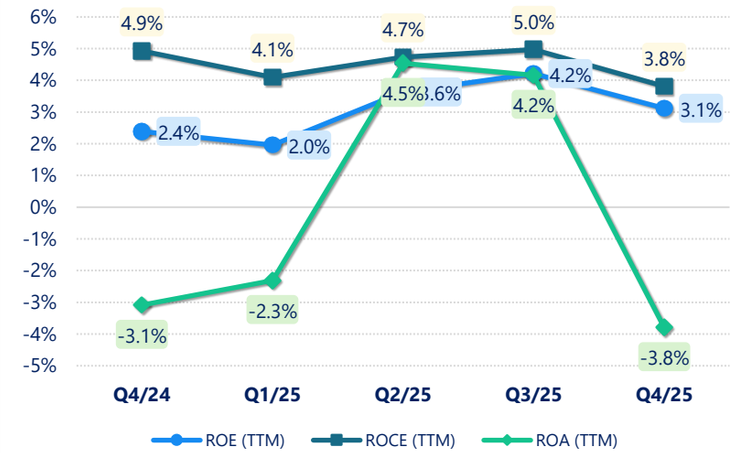
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



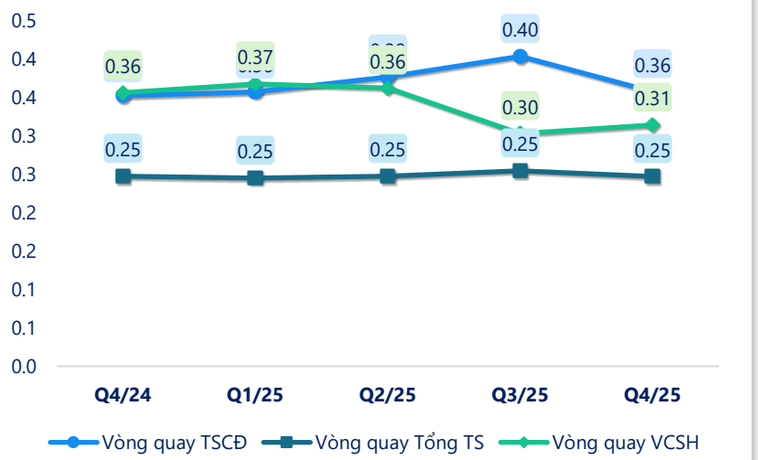
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



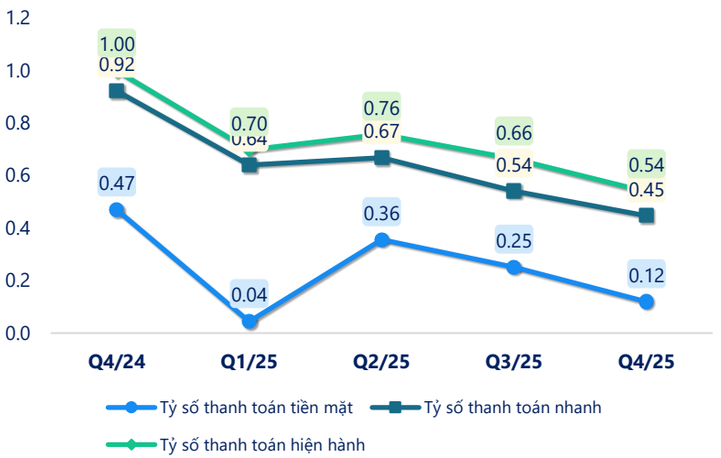
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



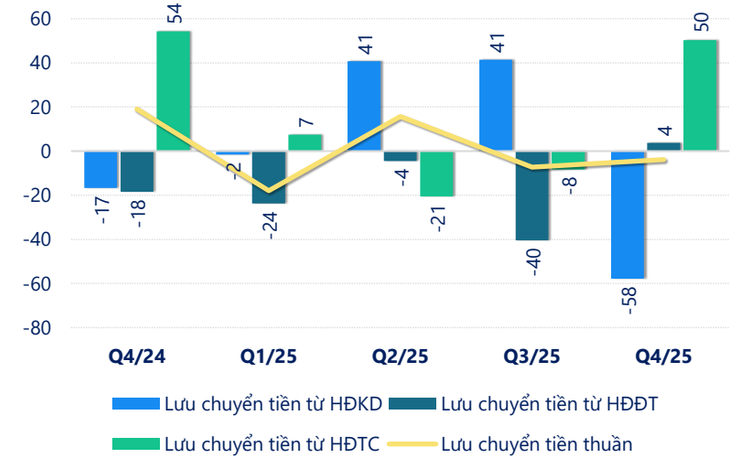
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**779**	**731**	**6.6%**
Tài sản ngắn hạn	31.6	43.5	-27.3%
Tiền và tương đương tiền	7.02	20.4	-65.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	16.2	16.8	-3.3%
Hàng tồn kho	5.39	3.34	61.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.98	2.96	0.5%
Tài sản dài hạn	**747**	**688**	**8.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	525	518	1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	131	103	27.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**91.3**	**66.7**	**36.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	176	147	20.1%
Nợ ngắn hạn	**58.7**	**44.7**	**31.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.2	24.1	58.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	12.5	-3.8%
Nợ dài hạn	117	102	15.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	98.4	15.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**603**	**584**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**603**	**584**	**3.2%**
Vốn điều lệ	584	471	24.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	12.5	19.5	76.4	79.2	11.6
Giá vốn hàng bán	24.9	26.5	36.3	39.0	29.2
Lợi nhuận gộp	-12.3	-6.99	40.1	40.2	-17.6
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	1.84	1.91	2.04	1.69	2.02
Chi phí lãi vay	1.64	1.91	2.03	1.69	2.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.08	2.04	3.87	4.35	4.81
Chi phí QLDN	3.58	4.49	1.35	2.97	5.23
LN thuần từ HĐKD	-20.9	-15.4	32.8	31.2	-29.6
Lợi nhuận khác	0.19	0.06	-0.01	-0.41	0.59
LN trước thuế	-20.7	-15.4	32.8	30.8	-29.0
Lợi nhuận sau thuế	-21.1	-15.9	32.4	30.7	-28.6
LNST của CĐ cty mẹ	-21.1	-15.9	32.4	30.7	-28.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.8	-1.61	40.7	41.4	-57.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.4	-23.8	-4.44	-40.4	3.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	54.3	7.46	-20.6	-8.34	50.3
Tiền đầu kỳ	1.38	20.4	2.47	18.1	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	**19.0**	**-18.0**	**15.6**	**-7.31**	**-3.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.4	2.47	18.1	10.8	7.02

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic